

BÀI 4: PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ SỐ TỰ NHIÊN

1. PHÉP CỘNG SỐ TỰ NHIÊN

Khái niệm và thuật ngữ

$$a + b = c$$

Trong đó:

a và b là các số hạng.

c là tổng.

Ví dụ

Trong phép tính $12 + 15 = 27$

12 và 15 là các số hạng.

27 là tổng.

Tính chất của phép cộng

Giao hoán:

$$a + b = b + a$$

Kết hợp:

$$(a + b) + c = a + (b + c)$$

Ví dụ về tính chất giao hoán

$$23 + 45 = 45 + 23$$

Ví dụ về tính chất kết hợp

$$(17 + 29) + 71 = 17 + (29 + 71)$$

Chú ý

$$a + 0 = 0 + a = a$$

Tổng $(a + b) + c$ hay $a + (b + c)$ gọi là tổng của ba số a, b, c và viết gọn là $a + b + c$.

Khi cộng nhiều số, nên nhóm những số hạng có tổng là số tròn chục, tròn trăm,... (nếu có).

Ví dụ về cộng với số 0

$$38 + 0 = 0 + 38 = 38$$

Ví dụ về tính hợp lý (nhóm thành số tròn trăm)

$$66 + 289 + 134 + 311 = (66 + 134) + (289 + 311) = 200 + 600 = 800$$

2. PHÉP TRỪ SỐ TỰ NHIÊN

Khái niệm và thuật ngữ

$$a - b = c$$

Trong đó:

a là số bị trừ.

b là số trừ.

c là hiệu.

Ví dụ

Trong phép tính $865 - 45 = 820$

865 là số bị trừ.

45 là số trừ.

820 là hiệu.

Điều kiện thực hiện phép trừ

Trong tập hợp số tự nhiên $\mathbb{N}$, phép trừ $a - b$ chỉ thực hiện được nếu $a \geq b$.

Ví dụ về điều kiện thực hiện

Phép trừ $15 - 7 = 8$ thực hiện được vì $15 \geq 7$.

Phép trừ $3 - 8$ không thực hiện được trong tập hợp số tự nhiên vì $3 < 8$.